

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 236/2018/DS-PT

Ngày: 20 - 11 - 2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH.**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Lâm.

Các Thẩm phán: Ông Lâm Văn Be;
Bà Lưu Ánh Nguyệt.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Song Tố Như - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Sự - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2018/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 221/2018/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ 6, ấp Đ, xã C, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt);

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 4, ấp H, xã C, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đặng Tấn L, Công ty Luật hợp danh N, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị M, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và diễn biến tại phiên tòa, bà M trình bày như sau:**

Bà M là chủ thảo dây hui 20.000.000 đồng, gồm 18 phần, 01 tháng khui 01 lần, hui khui ngày 12/6/2016 âm lịch. Trong đó, bà T tham gia 01 phần hui. Bà T

đã đóng được kỳ đầu tiên, hốt hui tại kỳ thứ 2 vào ngày 12/7/2016, hui kêu 3.880.000 đồng. Bà T đã hốt được số tiền 269.920.000 đồng.

Sau khi hốt hui xong, bà T đóng được 03 kỳ hui chết thì ngừng đóng. Bà T có xin bà cho bà T trả góp dần và đã góp được 25.000.000 đồng thì không tiếp tục góp nữa cho đến nay. Hiện bà T còn nợ bà M số tiền 255.000.000 đồng.

Nay bà M khởi kiện yêu cầu bà T trả lại cho bà số tiền hui còn nợ là 255.000.000 (hai trăm năm mươi lăm triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M chỉ yêu cầu bà T trả lại cho bà số tiền 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi

** Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và diễn biến tại phiên tòa, bị đơn – bà Nguyễn Thị T trình bày như sau:*

Bà có quen biết với bà M, có biết bà M là chủ thảo một số dây hui nhưng bà T không tham gia chơi dây hui nào của bà M, không hốt hui nên không nợ bà M số tiền 255.000.000 đồng. Bà T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M về việc buộc bà T trả lại cho bà M số tiền 255.000.000 (hai trăm năm mươi lăm triệu) đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2018/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh tuyên xử:

Căn cứ vào các Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 146, 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về “Tranh chấp hợp đồng góp hui” với bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 255.000.000 (hai trăm năm mươi lăm triệu) đồng. Ghi nhận bà M không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà T còn phải trả cho bà M số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 12.750.000 (mười hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà M số tiền 6.400.000 (sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0025248 ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10 tháng 9 năm 2018, bị đơn bà Nguyễn Thị T kháng cáo đối với Bản án số 62/2018/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa cấp phúc thẩm; các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Việc bà T có tham gia chơi dây hụi do bà M làm chủ thảo đã được xác nhận qua lời khai của các nhân chứng, là các hội viên cùng tham gia dây hụi với bà T nên có căn cứ xác định việc bà T tham gia dây hụi 20.000.000 đồng, gồm 18 phần, 01 tháng khui 01 lần, hụi khui ngày 12/6/2016 âm lịch của bà M là có thật. Bà T cho rằng không tham gia dây hụi của bà M, không nợ tiền bà M nhưng không có căn cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T trả lại cho bà số tiền 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu) đồng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T:

Bà T kháng cáo, không đồng ý trả lại bà M số tiền 255.000.000 đồng do bà không chơi hụi của bà M, không hốt hụi nên không nợ tiền bà M. Xét thấy bà M khởi kiện bà T yêu cầu trả lại số tiền 255.000.000 đồng dựa trên danh sách hội viên tham gia dây hụi, ngoài ra, không cung cấp các giấy tờ nào khác chứng minh việc bà T có tham gia dây hụi này. Tuy nhiên, tại các biên bản lấy lời khai (bút lục số 22, 34, 35, 36, 37, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 46, 47, 48), lời khai của bà M và những

hội viên tham gia dây hội này đều xác định từ trước đến nay, trong các lần giao nhận tiền, bà M và hội viên không thực hiện việc ký nhận mà bà M chỉ cung cấp cho hội viên giấy đăng hội, sổ phần hội sống, hội chết để theo dõi. Đồng thời, những hội viên tham gia dây hội là chòm xóm với nhau, không mâu thuẫn gì với bà T, đều xác nhận bà T có tham gia dây hội khai ngày 12/6/2016 âm lịch, đã hốt hội tại kỳ thứ 2 và đã hốt hội xong. Ngoài ra, theo biên bản lấy lời khai tại bút lục số 48 và bút lục số 03, lời khai của bà M cũng phù hợp với lời khai của chị Đinh Thị Bích H, là người nhận thay 5.000.000 đồng tiền góp của bà T để giao lại cho bà M.

Tại cấp phúc thẩm, bà T cung cấp chứng cứ mới là giấy đăng hội ngày 10-5-2016 âm lịch của dây hội do bà Bùi Thị Tú R làm chủ thảo. Giấy đăng hội có chữ ký của bà T, là người nhận tiền hội và chữ ký của bà R, là người giao tiền hội. Tuy nhiên, giấy đăng hội giữa bà T với bà R không là cơ sở chứng minh cho việc bà T không tham gia dây hội do bà M làm chủ thảo. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà M thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T trả lại cho bà số tiền 220.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[2] Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 146, 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, sửa một phần Bản án số 62/2018/DS-ST ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*” với bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu) đồng. Ghi nhận bà M không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà T còn phải trả cho bà M số tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 11.000.000 (mười một triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà M số tiền 6.400.000 (sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0025248 ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

* Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà T số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 00025989 ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:

- VKSND tỉnh;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Duy Lâm

